

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 23-10-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Trao

Ông Ngô Tấn Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 663/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Tuyết L, sinh năm 1979

Địa chỉ thường trú: Số 599, ấp 8, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1979

Địa chỉ thường trú: ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(chị L, anh V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Tuyết L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh V tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh

Tiền Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 05/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm, đến giữa năm 2018 thì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh V thường có lời lẽ thô tục, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Vợ chồng không thể chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh V đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Do vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồ Tuyết M, sinh ngày 29/4/2015. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu Tòa án giải quyết cho chị và anh V ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019, bị đơn – anh Nguyễn Thanh V trình bày: Anh và chị Hồ Thị Tuyết L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 05/9/2012. Việc đăng ký kết hôn giữa anh chị là tự nguyện. Anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồ Tuyết M, sinh ngày 29/4/2015. Nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh V xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh V, giao 01 con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách đương sự tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hồ Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V hiện đang tạm trú và sinh sống tại: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”; nguyên đơn là chị Hồ Thị Tuyết L, bị đơn là anh Nguyễn Thanh V và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn – chị Hồ Thị Tuyết L và bị đơn – anh Nguyễn Thanh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hồ Thị Tuyết L và anh Nguyễn Thanh V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Tuyết L và anh Nguyễn Thanh V kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 05/9/2012, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh V vì lý do hôn nhân không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn H thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh V. Qua lời khai của chị L thì cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị L yêu cầu ly hôn với anh V và anh V đồng ý. Xét thấy chị L và anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Chị L và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồ Tuyết M, sinh ngày 29/4/2015, hiện cháu M đang sống với chị L. Chị L đang có công việc và thu nhập ổn định. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và anh V đồng ý nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Hồ Tuyết M, sinh ngày 29/4/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị Hồ Thị Tuyết L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Hồ Thị Tuyết L đối với anh Nguyễn Thanh V.

Xử cho chị Hồ Thị Tuyết L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Hồ Tuyết M, sinh ngày 29/4/2015 cho chị Hồ Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh V được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009623 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị L và anh V được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Giang.
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang